

Số: **847** /GPMT-UBND

Hung Yên, ngày **31** tháng 3 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần thứ nhất)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 1780/GPMT-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh;

Xét văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Pioneer Elastic Việt Nam số 27022026/VB-PEVN ngày 27 tháng 02 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 229/TTr-SNNMT ngày 18 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 1780/GPMT-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Pioneer Elastic Việt Nam, có địa chỉ: Lô L4, KCN dệt may Phố Nối, phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần thứ nhất) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 1780/GPMT-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh.

Điều 2. Công ty TNHH Pioneer Elastic Việt Nam tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 1780/GPMT-UBND ngày 16 tháng 8 năm

2024 của UBND tỉnh và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường này (cấp điều chỉnh lần thứ nhất) này.

Điều 3. Giấy phép môi trường điều chỉnh (cấp điều chỉnh lần thứ nhất) này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 1780/GPMT-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- BQL các KCN tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (trả kết quả);
- UBND phường Đường Hào;
- Lưu: VT, KT2^{Tr}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Nam

Phụ lục
NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Giấy phép môi trường (điều chỉnh lần thứ nhất) số **847**/GPMT-UBND ngày **31**/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

I. Điều chỉnh nội dung tại phần A, mục 1 phần B Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 1780/GPMT-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải phát sinh từ Dự án Pioneer Elastic Việt Nam với lưu lượng tối đa 1.066,4 m³/ngày đêm (bao gồm nước thải sinh hoạt 30,4 m³/ngày đêm, nước thải sản xuất 1.036 m³/ngày đêm) sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp dệt may Phố Nối để xử lý, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Có Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng dệt may Phố Nối (là Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp dệt may Phố Nối).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực rửa tay, nhà vệ sinh được thu gom theo hệ thống đường ống PVC D110 về 07 bể tự hoại, tổng thể tích 61m³ (trong đó 01 bể tự hoại có thể tích 15m³ dưới nhà văn phòng của nhà xưởng chính; 03 bể tự hoại dưới nhà xưởng chính có thể tích 10 m³/bể; 01 bể tự hoại dưới nhà nhuộm có thể tích 10 m³; 02 bể tự hoại dưới 02 nhà bảo vệ có thể tích 03 m³/bể).

- Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà ăn được thu gom qua hệ thống đường ống PVC D140 dẫn về 01 bể tách dầu mỡ thể tích 3m³ để xử lý sơ bộ.

- Nước thải sản xuất bao gồm:

+ Nước thải phát sinh từ quá trình nhuộm, giặt, vắt và vệ sinh máy móc, thiết bị, quá trình hoạt động của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi, hệ thống làm mềm nước cấp cho hệ thống làm mát nước cấp cho chiller của điều hòa trung tâm được thu gom dẫn qua hệ thống đường ống nhánh Inox D80mm dài 48m, PVC D110mm dài 11m sau đó dẫn về đường ống chính Inox D150mm dài 55m để dẫn về hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất.

+ Nước thải phát sinh từ hệ thống làm mềm nước cấp cho quá trình hoạt động của lò hơi, nước xả đáy lò hơi được thu gom dẫn theo hệ thống đường ống PPR D50mm dài 90m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

- Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, bể tách dầu mỡ được thu gom qua hệ thống đường ống PVC D110mm dài 117m, PVC D140 dài 101m dẫn về hệ

thống đường ống Inox D200mm chung với nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất với tổng chiều dài 178m thoát vào hồ ga thu gom nước thải trước khi đầu nối với hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN Dệt may Phố Nối.

- Tọa độ đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp dệt may Phố Nối (*hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°*): X(m): 2314443; Y(m): 559554.

II. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 1780/GPMT-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh, tại mục 2 phần A Phụ lục 2, như sau:

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Khí thải sau hệ thống xử lý mùi, hơi hóa chất khu vực nhuộm, giặt, sấy

- Vị trí xả khí thải: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý mùi, hơi hóa chất phát sinh từ khu vực nhuộm, giặt và sấy tại phường Đường Hòa, tỉnh Hưng Yên.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($K_p=0,8$; $K_v=0,8$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột A, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Quan trắc môi trường định kỳ
			Áp dụng đến ngày 31/12/2031	Áp dụng từ ngày 01/01/2032	
1	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	4,8	≤6	01 lần/06 tháng
2	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	32	≤15	
3	Anilin (C ₆ H ₅ NH ₂)	mg/Nm ³	19	≤10	01 lần/năm
4	Fomaldehyt (HCHO)	mg/Nm ³	20	≤10	

2.2. Khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi

- Vị trí xả khí thải: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi tại phường Đường Hòa, tỉnh Hưng Yên.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_p=0,8$; $K_v=0,8$) và QCVN 19:2024/BTNMT, cột A, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Quan trắc môi trường định kỳ
			Áp dụng đến ngày 31/12/2031	Áp dụng từ ngày 01/01/2032	
1	Bụi	mg/Nm ³	128	≤40 (6)	01 lần/06 tháng
2	CO	mg/Nm ³	640	≤200 (6)	

3	NO _x	mg/Nm ³	544	≤150 (6)	
4	SO ₂	mg/Nm ³	320	≤130 (6)	

Giá trị trong ngoặc “()” quy định tại Bảng này là giá trị hàm lượng ôxy tham chiếu.

Điều chỉnh tại phần B Phụ lục 2, như sau:

Điều chỉnh “lò hơi công suất 10 tấn hơi/giờ” thành “lò hơi công suất 08 tấn hơi/giờ”.

III. Điều chỉnh nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung tại mục 3 phần A Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 1780/GPMT-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026 và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

3.1. Áp dụng đến hết ngày 31/12/2026

3.1.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.1.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

3.2. Áp dụng từ ngày 01/01/2027

3.2.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn cho phép			Khu vực E Thời gian áp dụng trong ngày
	Từ 6h00-trước 18h00 (dBA)	Từ 18h00-trước 22h00 (dBA)	Từ 22h00 đến trước 6h00 (dBA)	
1	70	65	60	

3.2.2. Độ rung

TT	Giới hạn cho phép		Khu vực D Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB
	Từ 6h00-trước 22h00	Từ 22h00-trước 6h00	

IV. Công ty TNHH Pioneer Elastic Việt Nam tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 1780/GPMT-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này./. 